

## CHÍNH SÁCH NGÔN NGỮ CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC XOÁ MÙ CHỮ

GS.TS NGUYỄN VĂN KHANG

### 1. Đặt vấn đề

Nếu nhìn lại lịch sử của Việt Nam trước khi có Đảng, có thể thấy, nước ta một thời gian dài chìm trong nô lệ của tập đoàn phong kiến phương Bắc và của thực dân Pháp. Như đã biết, bất cứ một chế độ phong kiến, thực dân ngoại bang nào cũng đều thực hiện chính sách "ngu dân" để dễ bề cai trị. Vì thế, đồng hoá dân tộc trong đó có đồng hoá ngôn ngữ là một trong những chính sách của tập đoàn phong kiến phương Bắc và của thực dân Pháp. Trong một nghìn năm Bắc thuộc, các triều đại phong kiến phương Bắc như Triệu, Hán, Ngô, Ngụy, Tấn, Tống, Tề, Lương, Tùy, Đường kế tiếp nhau xâm chiếm và đô hộ nước ta, nhằm biến nước Âu Lạc thành quận, huyện của Trung Quốc, tìm mọi cách đồng hoá dân tộc Việt Nam về mọi mặt, trong đó, ngôn ngữ được coi là một nội dung đồng hoá hàng đầu. Trong hơn 80 năm đô hộ, với ý đồ khuếch trương ảnh hưởng của nước Pháp, mở rộng quyền lợi của nước Pháp ở vùng Viễn Đông nhất là ở các

nước lân cận, thực dân Pháp thực hiện chính sách Pháp hoá (Franciser) đối với Việt Nam ở mọi lĩnh vực trong đó có ngôn ngữ.

Trong một bối cảnh ngôn ngữ xã hội như vậy, ngay sau khi được thành lập, Đảng đã coi xoá mù chữ, làm cho người dân Việt Nam "ai cũng được học hành", nâng cao dân trí là một trong những chính sách quan trọng hàng đầu, xuyên suốt mọi thời kì và cho đến tận ngày nay của Đảng và Nhà nước ta. Tuy nhiên, ở mỗi thời kì lịch sử gắn với bối cảnh xã hội ngôn ngữ cụ thể của đất nước, Đảng và Nhà nước lại có các chính sách cùng biện pháp thực thi phù hợp mang tính đặc thù cho từng giai đoạn.

### 2. Nhìn lại chính sách xoá mù chữ của Đảng và Nhà nước ta qua các thời kì

2.1. Thời gian từ năm 1930 đến trước khi thành lập nước năm 1945 là thời kì Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo cách mạng Việt Nam, kêu gọi, tuyên truyền, vận động toàn thể nhân dân Việt Nam tham gia cuộc kháng chiến chống

thực dân Pháp, giải phóng đất nước. Ngôn ngữ là một trong những vấn đề được Đảng quan tâm, trong đó có công việc *xoá mù chữ bằng tiếng mẹ đẻ, tiếng Việt cho toàn thể người dân Việt Nam, trước hết là "dân cày"* [1].

Trong tình hình mà chính sách ngu dân của Thực dân pháp làm cho "hơn 85% nam nữ công nhân mù chữ" do phải lao động kiếm sống và không có trường học, Đảng đã đề ra các chủ trương như: a) Thủ tiêu nạn mù chữ; cưỡng bức giáo dục sơ học cho tất cả mọi người bất kể già trẻ, trai gái, trong đó chú trọng tới lực lượng trẻ ở độ tuổi từ 14 đến 18; b) Huỷ bỏ giáo dục nô lệ bằng cách sử dụng tiếng mẹ đẻ trong nền giáo dục của mình, "dạy học bằng tiếng bản xứ ở mọi cấp học" [2], "thanh niên học tới 16 tuổi, bằng tiếng mẹ đẻ" [3]. "Chống nạn mù chữ" trở thành nội dung thứ 4 trong Đề cương Văn hoá Việt Nam do Tổng Bí thư Trường Chinh khởi thảo và được Hội nghị Ban Thường vụ trung ương Đảng thông qua năm 1945. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người sáng lập ra Đảng cộng sản Việt Nam đã dành sự quan tâm đặc biệt cho việc xoá mù chữ. Trước đó, trong cuốn *Đường cách mệnh*, Người đã từng đặt vấn đề người dân cày biết chữ. "Dân cày ta được mấy người biết chữ, trong làng được mấy trường học?", vì thế, mọi người dân phải được học để biết đọc, biết viết tiếng Việt, nhất

là những người đang ở lứa tuổi cấp sách đến trường. "Tất cả trẻ con trong nước, bất kì con trai con gái, đều phải đi học. Học phí Nhà nước phải cho". Người yêu cầu phải đẩy mạnh việc học chữ quốc ngữ trong toàn dân, nhanh chóng thanh toán nạn mù chữ. "Cần khuyến khích học viên dạy cho nhau chữ quốc ngữ" [4].

Để có thể thực hiện được chủ trương, đường lối về quyền học, sử dụng tiếng Việt, tiếng mẹ đẻ mà không phải học bằng tiếng Pháp, Đảng đã đưa ra các biện pháp cụ thể như: a) Thành lập Hội truyền bá chữ quốc ngữ (vào năm 1938) để thúc đẩy việc xoá nạn mù chữ trong nhân dân lao động; b) Giao cho tổ chức thanh niên, cụ thể là Thanh niên cộng sản đoàn Đông Dương vận động toàn dân hưởng ứng đấu tranh đòi quyền "được dùng tiếng mẹ đẻ trong khi làm việc" [3]; c) Dạy học bằng tiếng mẹ đẻ, chống "Pháp hoá" [3]; d) Tổ chức các lớp học để xoá nạn mù chữ, "(...) tổ chức các lớp học đêm, các hội đọc sách báo, v.v. để nông dân tranh đấu chống nạn không biết chữ"; e) Tổ chức đấu tranh với khẩu hiệu "Chống nạn thất học, mở thêm các trường chuyên môn" [5].

2.2. Thời gian từ 1945 đến năm 1954, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời chưa đầy một năm lại phải tiếp tục 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp. Để

thực hiện tốt hai nhiệm vụ "kiến quốc" và "đánh đuổi thực dân Pháp", một trong những chính sách quan trọng của Đảng và Chính phủ là *tiếp tục tập trung vào công tác xoá mù chữ, nâng cao dân trí cho toàn dân Việt Nam.*

Coi mù chữ là "quốc nạn", là "giặc" (giặc dốt) và "một dân tộc dốt là một dân tộc yếu", Đảng và Nhà nước Việt Nam chủ trương phải quyết tâm "tiêu diệt" nạn mù chữ như là tiêu diệt kẻ thù xâm lược, "chống mù chữ, chống xâm lăng" [6]. Đảng và Chính phủ đã tạo mọi điều kiện để mọi người dân đều có thể biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ, đặc biệt là thế hệ trẻ, "tất cả các em đã biết chữ quốc ngữ chưa? Em nào chưa biết thì phải học cho biết" [7]. Theo đó, hàng loạt các biện pháp được đưa ra để thực hiện chủ trương về công tác xoá mù chữ, đó là:

- Tiến hành sự nghiệp giáo dục ở mọi cấp bằng tiếng Việt, kể ở cả bậc đại học. Điều này được thể hiện ở 6 nhiệm vụ cấp bách được đặt ra trước mắt trong đó có nhiệm vụ thứ hai là chống nạn mù chữ do Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra ngày 3/9/1945 tức là sau *Tuyên ngôn Độc lập* một ngày. Tiếp đó, ngày 8/9/1945, Chính phủ ban hành 3 sắc lệnh quan trọng về bình dân học vụ, gồm: 1) Sắc lệnh số 17/SL thành lập Nha bình dân học vụ, quy định rõ nhiệm vụ của nha này chuyên lo việc học cho nhân dân, trực thuộc

Bộ giáo dục; 2) Sắc lệnh số 19/SL quy định hạn trong 6 tháng, làng nào thị trấn nào cũng phải có lớp học, ít nhất có 30 người theo học; 3) Sắc lệnh số 20/SL cưỡng bách học chữ quốc ngữ, học chữ quốc ngữ không mất tiền [8].

- Coi xoá mù chữ là một "chiến dịch", chính quyền từ trung ương tới địa phương tổ chức phong trào thi đua, trong đó có thi đua xoá mù chữ từ ngay các làng bản, không để cho một người dân nào phải mù chữ; yêu cầu các đoàn thể xã hội động viên các thành viên của mình tham gia vào công việc xoá mù chữ. "Các đoàn thể phải định một thời gian tất cả các đoàn viên đều phải biết chữ. Gây sự ganh đua giữa các làng, các nhà máy, các bộ đội, để thủ tiêu nạn mù chữ" [9].

- Tổ chức xoá mù chữ dưới mọi hình thức như mở trường, tổ chức lớp học, mở các lớp bình dân học vụ để xoá nạn mù chữ. Đào tạo giáo viên và có chế độ đãi ngộ thoả đáng cho giáo viên. Nhà nước quan tâm tạo điều kiện, đồng thời xã hội hoá giáo dục dưới hình thức các địa phương tự lo, tự quản.

- Xoá mù chữ bằng chữ quốc ngữ và trong vòng ba tháng mọi người có thể "đủ để học đọc, học viết tiếng nước ta theo văn quốc ngữ" [8].

- Giúp đỡ lẫn nhau trong học tập bằng cách "những người đã biết chữ dạy cho những người chưa biết chữ. (...) Những người chưa

biết chữ hãy gắng sức mà học cho biết đi" [10].

- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm để đẩy nhanh công việc xoá mù chữ và xoá mù chữ có hiệu quả.

Coi "đốt nát cũng là kẻ địch", Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, muốn nâng cao dân trí của toàn dân tộc thì trước hết là phải xoá mù chữ cho toàn dân Việt Nam. Đánh giá về vấn đề mù chữ ở Việt Nam thời kì này, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận xét: "(...) đồng bào hạ du còn hơn 50%, đồng bào thượng du 90% mù chữ". Vì thế, Người đề nghị "trách nhiệm của ban văn hoá: Làm sao đến tháng 6 năm 1947, số người mù chữ phải bớt đi 50%". Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa các biện pháp xoá mù chữ như: tận dụng mọi cơ hội, tranh thủ mọi thời gian để học chữ quốc ngữ; coi học chữ quốc ngữ là những điều cần/ nên làm; tổ chức phong trào thi đua học chữ quốc ngữ, v.v.. Người kêu gọi: "(...) Không có giấy thì viết vào cát, không có bút thì dùng rễ tre..., không thiếu gì cách học mà không tốn tiền"; "Thi đua học chữ quốc ngữ để diệt giặc đốt" [11].

2.3. Sau Chiến thắng Điện Biên Phủ 1954, đất nước ta tạm chia cắt làm hai miền Nam - Bắc. Miền Bắc tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội và chi viện cho miền Nam tiến hành công cuộc chống Mỹ. Miền Nam tiếp tục kháng chiến chống ngoại xâm (để quốc Mỹ)

để được giải phóng và thống nhất đất nước. Đối với công tác xoá mù chữ, Đảng và Nhà nước Việt Nam chủ trương: *Ở miền Bắc tiếp tục đẩy mạnh công tác xoá mù chữ, ở miền Nam, cùng với việc chống chính sách nô dịch, đồng hoá ngôn ngữ của Mỹ - Ngụy, tiến hành xoá mù chữ bằng tiếng Việt và tiếng mẹ đẻ cho người dân ở vùng được giải phóng.*

2.3.1. Trước hết, để đưa ra được chính sách xoá mù chữ phù hợp với tình hình hiện tại, Đảng và Nhà nước đã tiến hành đánh giá toàn diện công tác xoá mù chữ ở thời kì trước. Có thể nói, công tác xoá mù chữ do Đảng khởi xướng và lãnh đạo đã đạt được sự nhất trí trong toàn Đảng toàn dân, có nhiều thuận lợi và đạt kết quả tốt. Cụ thể, "dưới thời thực dân Pháp, ở nông thôn, hơn 95% người mù chữ. Ngày nay, hơn 95% người biết đọc, biết viết". Đến năm 1958 ở miền Bắc hầu như nhà nào cũng có người biết chữ [12]. Mặc dù đạt được thành tích như vậy nhưng Đảng khẳng định, công tác xoá mù chữ vẫn là nhiệm vụ cấp bách trước mắt. Lí do là vì, muốn người dân đi theo con đường của Đảng như nông dân tham gia hợp tác hoá, công nhân tham gia vào vào nhà máy, xí nghiệp,... thì phải có văn hoá (học vấn). Chủ trương xoá mù chữ của Đảng phải được quán triệt đến các cấp uỷ, từng đảng viên. Từ đó, các cấp uỷ, các đảng viên tuyên truyền, vận động

quần chúng ủng hộ chủ trương này của Đảng.

Những chủ trương cụ thể về công việc xoá mù chữ của Đảng ở thời kì này là: a) Thời hạn thanh toán nạn mù chữ phải xong trong năm 1958; b) Những địa phương trọng điểm sẽ phải hoàn thành việc xoá mù chữ là các vùng xuôi miền Bắc; c) Đối tượng xoá mù chữ là những người từ 12 đến 50 tuổi; d) Ưu tiên các cán bộ xã, nhân viên giúp việc từ lâu không biết chữ; e) Hình thức xoá mù chữ chủ yếu và tập trung vào việc mở lớp bình dân học vụ (cho toàn dân), mở lớp học tại chức (cho cán bộ, nhân viên). "Bước vào năm 1958, ta có nhiệm vụ thanh toán nạn mù chữ cho trên dưới một triệu người từ 12 tuổi đến 50 tuổi ở vùng xuôi miền Bắc (...) Các cấp ủy Đảng phải quyết tâm vượt mọi khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ thanh toán nạn mù chữ ở vùng xuôi miền Bắc trong năm 1958" [13].

Đáng chú ý là, công tác xoá mù chữ trở thành một nội dung trong văn kiện của Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng năm 1960: Cùng với việc khẳng định những thành tích về công tác xoá mù chữ, Đảng chủ trương công việc xoá mù chữ vẫn phải được tiếp tục. "Về văn hoá, chúng ta đã căn bản xoá nạn mù chữ ở miền xuôi cho những người lớn dưới 50 tuổi; hơn 10 triệu người đã biết đọc, biết viết. Phong trào bỏ túc

văn hoá đang được đẩy mạnh"; "Về mặt văn hoá, cần tiếp tục xóa nạn mù chữ (...)" [14].

Công tác xoá mù chữ tại vùng dân tộc thiểu số được chú ý với những biện pháp cụ thể: 1) Có thể xoá mù chữ bằng tiếng Việt, có thể xoá mù bằng tiếng dân tộc; 2) Khi xoá mù chữ bằng tiếng dân tộc thì vùng dân tộc nào sẽ được xoá mù chữ bằng tiếng nói, chữ viết của dân tộc đó. Chẳng hạn, "với những vùng đồng bào Tày - Nùng mà chưa biết chữ cần đẩy mạnh thanh toán bằng chữ Tày - Nùng", sử dụng chữ Mèo để xoá nạn mù chữ và học xen kẽ chữ Mèo với tiếng và chữ phổ thông;... [15]. Theo đó, Chính phủ đã có những quyết định như: a) Phê chuẩn các phương án chữ Tày - Nùng, chữ Thái và chữ Mèo và quy định việc dùng các loại chữ viết đó ở các địa phương; b) Ở nơi nào đồng bào biết tương đối thành thạo tiếng phổ thông, nhất là đã xoá xong nạn mù chữ thì không cần bỏ túc văn hoá bằng chữ viết dân tộc mà nên bỏ túc văn hoá bằng chữ quốc ngữ [16].

2.3.2. Ở miền Nam, Đảng lãnh đạo, vận động nhân dân tiến hành cách mạng giải phóng miền Nam. Mặc dù cuộc đấu tranh này hết sức gian khổ, cam go trước những âm mưu xảo quyệt và vũ khí tối tân của kẻ thù, nhưng Đảng luôn dành sự quan tâm thích đáng đến vấn đề ngôn ngữ, trong đó có xoá mù chữ.

Với chủ trương chống lại chính sách ngu dân và đồng hoá dân tộc trong đó có đồng hoá ngôn ngữ của đế quốc Mỹ, Đảng cùng với Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam sau này là Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam lãnh đạo, chỉ đạo công tác xóa mù chữ. "Cần tích cực phát triển văn hoá giáo dục, phát động phong trào bình dân học vụ, tiến tới xóa dần nạn mù chữ trong nhân dân". Chẳng hạn, tại các vùng dân tộc thiểu số ở miền Nam (đã được giải phóng), công tác xóa mù chữ được tiến hành theo các cách linh hoạt: 1) xóa mù bằng chữ quốc ngữ; xóa mù bằng chữ dân tộc thiểu số; xóa mù vừa bằng chữ quốc ngữ vừa bằng chữ dân tộc thiểu số; 2) Trong quá trình thực thi "cố gắng phiên âm chữ dân tộc cho các dân tộc ít người có điều kiện mà hiện chưa có chữ" [17].

2.4. Với chiến thắng mùa xuân năm 1975, đất nước ta hoàn toàn giải phóng, non sông liền một dải. Từ đây, đất nước bước vào một giai đoạn mới do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ. Chính sách ngôn ngữ của Đảng và Nhà nước cũng được xây dựng và thực thi trên tinh thần đó, trong đó có công tác xóa mù chữ, đó là, *hoàn thành dứt điểm công tác xóa mù chữ và chống tái mù chữ.*

2.4.1. Khi đất nước mới thống nhất (1975), Đảng chú trọng tới công tác xóa mù chữ đối với các địa phương miền Nam. Theo thống kê ở vào thời điểm năm 1975, miền Nam vẫn còn hơn 3 triệu người mù chữ, trong đó có 1.405.875 người thuộc diện phải thanh toán mù chữ (12 - 45 tuổi). Trước tình hình này, Đảng chủ trương phải tập trung vào công việc xóa mù chữ với hình thức và biện pháp xóa mù chữ như:

- Chú ý tới đối tượng xóa mù chữ là toàn thể người dân đang bị mù chữ nhưng tập trung đối với người lớn tuổi, những người tham gia cách mạng, các cán bộ, đảng viên; địa bàn xóa mù tập trung vào các vùng căn cứ kháng chiến cũ, vùng cao;

- Phát động phong trào xóa mù chữ sôi nổi trong quần chúng nhân dân lao động, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ này trong hai năm;

- Phương thức xóa mù là mở lớp bổ túc văn hóa, bình dân [18].

2.4.2. Năm 1986, năm khởi đầu của công cuộc đổi mới, trong một số văn kiện của Đảng đều nhắc tới công tác xóa mù và coi đó là *một nhiệm vụ phải hoàn thành dứt điểm.*

Mặc dù năm 1978, Việt Nam tuyên bố nạn mù chữ về căn bản đã được xóa bỏ trong toàn dân, trên khắp nước [19] nhưng đó chỉ là đánh giá chung, còn thực tế của

công tác xoá mù rất phức tạp. Chẳng hạn, năm 1990, cả nước có hơn 8.312.000 người mù chữ. Trong đó, phần đông thanh, thiếu niên miền núi, dân tộc thiểu số có trình độ văn hoá thấp, mù chữ hoặc tái mù chữ, không biết tiếng phổ thông. “Số học sinh phổ thông chán học và bỏ học ngày càng nhiều. Số người mù chữ tăng lên”. Sở dĩ có tình trạng này là do nhiều nguyên nhân như: “sự thoả mãn non” trong nhận thức; sự tăng nhanh về dân số; tác động của điều kiện và môi trường sống; sự chỉ đạo, quan tâm thiếu sát sao của chính quyền các ngành liên quan cũng như chính quyền các cấp [20]. Từ những đánh giá này, Đảng đã đề ra chủ trương:

- 1) “Giảm cơ bản nạn mù chữ cho người lao động trong độ tuổi từ 15 đến 35 tuổi. Kế thừa và phát huy truyền thống và cách làm của phong trào thanh toán nạn mù chữ và bình dân học vụ trước đây”;
- 2) Xoá bỏ nạn mù chữ còn lại ở một số địa phương, làm sao để năm 1987 có thể “chấm dứt tình trạng mù chữ và tái mù chữ” [21].

Cùng với việc đưa ra chủ trương, đường lối về công tác xoá mù chữ, các vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước còn đi thực tế, kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện chủ trương cũng như hiệu quả của nó để có những điều chỉnh phù hợp. Chẳng hạn, năm 1988, sau khi đi thị sát, Tổng Bí thư Đảng Nguyễn Văn Linh đã nhận xét rằng, tình trạng mù chữ và tái mù ở vùng

nông thôn, đặc biệt là ở vùng cao, vùng dân tộc thiểu số vẫn còn nhiều. “(...) Ở nông thôn nhất là vùng cao, vùng sâu rất yếu, nhiều người còn mù chữ và tái mù chữ, nhất là đồng bào vùng núi và đồng bào sống trên sông”; “tỉ lệ số người mù chữ và thất học còn lớn”. Trong Thông báo của Ban Bí thư số 77-TB/ TW, ngày 19/6/1994 về thực hiện Nghị quyết Trung ương IV trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, Đảng đã thẳng thắn chỉ ra rằng, mặc dù công tác xoá mù chữ “đã cơ bản hoàn thành”, nhưng “công tác chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học tiến triển chậm. Sở dĩ như vậy vì chúng ta chưa có cách làm đúng, phù hợp với truyền thống hoàn cảnh nước ta, chưa gây được phong trào cách mạng của quần chúng trong việc xoá mù chữ và phổ cập cấp I (...)”. Vì thế, trong thập niên cuối của thế kỉ XX, xoá mù chữ vẫn là một trong những công việc được Đảng đặc biệt quan tâm với chủ trương là phải xã hội hoá công tác xoá mù chữ để đi đến “dứt điểm”. Từ những đánh giá trên, Đảng chủ trương “chống mù chữ và mù chữ lại” [22]. Cụ thể:

- Lấy năm 2000 là mốc phấn đấu đối với công việc xoá mù chữ mà các đối tượng cần được quan tâm là cán bộ cốt cán, thanh thiếu niên, phụ nữ dân tộc ít người và vùng nông thôn hẻo lánh, trong đó, chú trọng tới các đối tượng tuổi từ 15 đến 35, có biện pháp khắc phục tình trạng bỏ học của các em bé gái.

- Đẩy mạnh công tác xoá mù chữ trở thành phong trào của quần chúng và xã hội hoá công tác này. Đảng nhấn mạnh, “trước đây, với 5% số dân biết chữ, ta đã nhanh chóng khắc phục nạn mù chữ nhờ biết phát động nhân dân theo khẩu hiệu “người biết chữ dạy người chưa biết chữ”. Ngày nay, khoảng 90% nhân dân ta đã biết chữ, trong đó một bộ phận đã đạt trình độ học vấn cao. Vì thế, cần dựa vào sức dân, phát triển giáo dục trong nhân dân để thực hiện bằng được công tác xoá mù chữ.

- Đối với dân tộc thiểu số và tiếng nói chữ viết dân tộc thiểu số, Đảng đã có những chỉ đạo cụ thể đối với công tác xoá mù chữ, đó là: 1) Tạo điều kiện thuận lợi để đáp ứng nguyện vọng của người dân tộc thiểu số trong việc kết hợp học xen kẽ chữ quốc ngữ và chữ dân tộc. “Chú ý giải quyết tốt nhu cầu của một số dân tộc về học chữ dân tộc mình xen kẽ với học chữ phổ thông”; 2) Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tộc dân tộc thiểu số có nguyện vọng học chữ dân tộc của họ. “Đối với đồng bào có nhu cầu học chữ dân tộc, phải tạo mọi điều kiện thuận lợi để việc học tập của đồng bào đạt hiệu quả thiết thực” [23].

### 3. Mấy vấn đề đặt ra cho công tác xoá mù chữ trong giai đoạn hiện nay

3.1. Nhìn lại chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về xoá mù chữ, trước hết, có thể khẳng định rằng, xoá mù chữ, nâng

cao dân trí là chủ trương, chính sách nhất quán, xuyên suốt của Đảng và Chính phủ. Có thể nói, tiến trình của công tác xoá mù chữ và chống tái mù chữ từ khi có Đảng đến nay là cả một chặng đường với nhiều thành quả lớn lao, nhưng đầy gian nan và thiết nghĩ là chưa kết thúc. Từ một dân tộc thuộc địa chỉ có khoảng 5% số dân biết chữ, bằng chủ trương nhất quán và phù hợp với từng giai đoạn cụ thể của bối cảnh lịch sử - xã hội Việt Nam, Đảng lãnh đạo công tác xoá mù, chống tái mù và đã giành được những thành tựu to lớn: người dân Việt Nam không chỉ thoát nạn mù chữ mà còn có kiến thức và trình độ để xây dựng cuộc sống ấm no của mình, sánh vai, hoà nhập với thế giới, với nền khoa học hiện đại.

Với mọi hình thức, mọi biện pháp linh hoạt phù hợp trong từng giai đoạn, công tác xoá mù chữ và chống tái mù chữ diễn ra liên tục, lúc thì mạnh mẽ thành phong trào như khi mới thành lập nước, lúc thì lặng lẽ, không ồn ã nhưng cũng không kém phần quyết liệt. Chẳng hạn:

a) Khi đất nước còn trong vòng nô lệ của thực dân Pháp, Đảng đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống chính sách ngu dân, đòi quyền được học hành bằng tiếng Việt và tiếng mẹ đẻ. Chủ trương này lại được áp dụng ở miền Nam thời kì từ 1954 đến 1975, khi miền Nam còn chịu sự nô lệ của đế quốc Mỹ;



b) Khi đất nước được độc lập, chính quyền về tay nhân dân, Đảng và Chính phủ đã lãnh đạo, đưa ra các chủ trương, chính sách cùng những quyết sách, những mục tiêu cụ thể để xoá mù chữ, phù hợp với bối cảnh chính trị - xã hội ở từng giai đoạn cụ thể;

c) Hàng loạt các biện pháp đã được triển khai ở mỗi giai đoạn như xoá mù trong hệ thống giáo dục chính quy, xoá mù theo hình thức xã hội hóa (thời gian đầu là bình dân học vụ, xoá mù theo hình thức toàn dân "người biết dạy người chưa biết, người biết nhiều dạy người biết ít; sau này là hình thức bổ túc văn hóa, giáo dục thường xuyên,...).

d) Xoá mù và chống tái mù là công việc liên tục, thường xuyên ở mọi nơi, nhất là vùng sâu vùng xa, vùng biên cương hải đảo, đối với mọi tầng lớp. Trong đó đáng chú ý là, cùng với việc chú trọng xoá mù chữ cho những người đang ở độ tuổi từ 15 đến 35 để có thể phát huy được sức trẻ, nắm bắt thời cơ, xây dựng cuộc sống, xây dựng đất nước, Đảng chú ý tới việc xoá mù chữ cho phụ nữ, người nghèo, người già, trẻ em, người dân tộc thiểu số.

Coi tiếng Việt, chữ quốc ngữ là tiếng nói chữ viết chung của mọi người dân Việt Nam, theo đó, mỗi người dân Việt Nam có quyền lợi và nghĩa vụ học tập, sử dụng

tiếng Việt, chữ quốc ngữ. Vì thế, ngay từ khi Đảng thành lập, Đảng đã coi trọng việc nâng cao dân trí cho mọi người dân và công việc trước tiên phải làm tốt là công tác xoá mù chữ bằng tiếng Việt, chữ quốc ngữ. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, muốn tuyên truyền, vận động nhân dân làm cách mạng thì người dân phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ thì mới có thể nắm được đường lối chủ trương của Đảng.

Với chính sách sách bình đẳng dân tộc, trong đó có bình đẳng về ngôn ngữ, tại các vùng dân tộc thiểu số, người dân không chỉ được xoá mù bằng tiếng Việt, chữ quốc ngữ mà còn được xoá mù bằng chính tiếng mẹ đẻ của mình. Điều này thể hiện tính linh hoạt và nhạy bén trong chính sách của Đảng về ngôn ngữ nói chung về công tác xoá mù nói riêng: có thể xoá mù bằng tiếng Việt, chữ quốc ngữ; có thể xoá mù bằng tiếng nói, chữ viết dân tộc thiểu số (tiếng mẹ đẻ); có thể kết hợp cả tiếng Việt và tiếng dân tộc.

3.2. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, mù chữ và tái mù chữ ở nước ta vẫn là một nguy cơ và có khả năng lan rộng. Chẳng hạn:

- Theo thống kê năm 1993, tình trạng mù chữ như sau: số người mù chữ ở Lai Châu là 50,88%, ở Gai Lai Kon Tum là 39,38%, ở Sơn La là 39,29%, ở Hà Tuyên là 33%, ở Hoàng Liên Sơn là 29,96%, ở Cao Bằng là 28,20%;

- Theo số liệu thống kê năm 1995, cả nước có trên 2 triệu người mù chữ và 2,3 triệu trẻ em trong độ tuổi từ 6 đến 14 tuổi thất học, trong đó tỉ lệ mù chữ ở các dân tộc thiểu số còn khá cao. Số người mù chữ tại các tỉnh miền núi chiếm tới 38% tổng số người mù chữ trong cả nước và tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long số người mù chữ chiếm 33%;

- Theo báo cáo *Giám sát toàn cầu 2009*, ở Việt Nam, tính đến năm 2008, số người mù chữ trên cả nước là gần 1,7 triệu, tập trung nhiều nhất ở độ tuổi trên 36, trong đó, Hà Nội có 235.000 người và thành phố Hồ Chí Minh có trên 90.000 người không biết đọc viết. Với con số 1,7 triệu người mù chữ cho thấy, tỉ lệ xóa mù chữ giữa các dân tộc ở nước ta đạt 92,1%. Tuy nhiên tỉ lệ này giữa các nhóm dân tộc thiểu số chỉ đạt 77,13%, thấp hơn 15% so với các nhóm còn lại của dân số. Những người mù chữ chủ yếu là phụ nữ, trẻ em gái, người dân tộc thiểu số và những người sống ở vùng Tây Bắc (với tỉ lệ người Mông cao), vùng Cao nguyên (với tỉ lệ người Bana và người Giarai cao) và khu vực đồng bằng sông Cửu Long;

d) Theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo vào tháng 6/2008, cả nước hiện có 144.459 người mù chữ ở độ tuổi 15 đến 25; 250.000 người mù chữ ở độ tuổi ở độ tuổi từ 25-35; 1,3 triệu người mù chữ

ở độ tuổi 36. Với 235.000 người mù chữ, “Hà Nội có nhiều người mù chữ nhất nước” (riêng Hà Tây cũ là 220.000 người). Năm 2010, số người mù chữ, tái mù chữ còn nằm rải rác trên một số địa bàn ở Hà Nội, đặc biệt ở những nơi xa trung tâm, có nhiều khó khăn và đời sống kinh tế thấp. Thí dụ, tại hai huyện Mỹ Đức và Ba Vì nhiều người không viết được tên mình, không tính được tiền công khi đi làm thuê,...

Tình hình mù chữ thường diễn ra ở những nơi đời sống của người dân đang gặp nhiều khó khăn, ở những nhóm người phải bươn chải để kiếm sống, chỗ ở không ổn định như các vùng sống bằng nghề chài lưới, sống bằng lao động làm thuê. Thí dụ, tỉ lệ tái mù chữ của dân chài Cao Bình (xã Hồng Tiến, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình) luôn trên 90%. Minh chứng cụ thể là câu chuyện: một người phụ nữ của làng này đến Ngân hàng Chính sách xã hội huyện làm thủ tục vay vốn “do không biết chữ, nên phải nhờ người đi kèm, đọc cho từng đoạn và làm thủ tục hộ” (Báo Nông thôn, 2007). Một thí dụ khác, tại gia đình ở thôn Tân Hiệp, xã Trà Sơn, Huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam, có 3/9 người con trai mù chữ (Báo Thanh niên 30/10/2010).

3.3. Đứng trước tình hình này, các cơ sở Đảng, chính quyền các cấp cùng các đoàn thể đã đưa ra

hiều biện pháp thiết thực để đẩy mạnh công tác xoá mù chữ. Chẳng hạn:

- Tiến hành kiểm tra và công nhận các cơ sở đạt tiêu chuẩn xoá mù. Thí dụ, năm 2006, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ra quyết định 10929/QĐ-UBND về việc công nhận huyện Định Quán đạt chuẩn Quốc gia về chống mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở năm 2006 “Nay công nhận huyện Định Quán đạt chuẩn Quốc gia về chống mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở tại thời điểm 30/9/2006” (Điều 1).

- Trong hai năm 2005-2006, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đề ra 7 mục tiêu và 5 giải pháp nhằm tiếp tục xoá mù chữ cho gần 5.700 phụ nữ tại các tỉnh, thành phố có đông đồng bào dân tộc thiểu số.

- Ở các vùng dân tộc thiểu số, áp dụng khuyến cáo của UNESCO “xoá mù chữ thông qua giáo dục dựa trên tiếng mẹ đẻ là phương thức tốt nhất”. “Các báo cáo nghiên cứu và mô hình thí điểm đã chỉ ra rằng giáo dục dựa trên tiếng mẹ đẻ là điều cần thiết, là nền tảng để trẻ em học tập tốt hơn và làm cho tiếng Việt của các em tiến bộ rõ rệt” (Vibeke Jensen, Trưởng đại diện văn phòng UNESCO Hà Nội). Đồng thời, tiến hành triển khai dự án giáo dục song ngữ bằng

tiếng mẹ đẻ và tiếng Việt cho trẻ em dân tộc thiểu số từ bậc học mầm non tại các tỉnh Gia Lai, Trà Vinh và Lào Cai giai đoạn 2008 - 2013.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Hội Khuyến học Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam và các tổ chức xã hội khác xây dựng chương trình khuyến khích phụ nữ tham gia học tập, nâng cao trình độ; chương trình khuyến khích xoá mù chữ cho phụ nữ; chống tái mù chữ; vận động phát triển trường lớp mầm non ngoài công lập.

- Xây dựng và thực hiện nội dung xoá mù chữ và giáo dục sau khi biết chữ; các trường tiểu học, trung học cơ sở mở các lớp xoá mù chữ, giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ cho mọi đối tượng, đặc biệt là các em gái, phụ nữ, người khuyết tật và dân tộc.

- Xây dựng xã hội học tập, phát triển trung tâm học tập cộng đồng theo nhu cầu của người dân với các hình thức học tập linh hoạt.

Rõ ràng, xoá mù chữ và chống tái mù chữ / mù chữ lại là công việc phải được tiến hành thường xuyên với các hình thức linh hoạt. Đương nhiên, nó không còn là phong trào, là nhiệm vụ trọng tâm như ngày mới thành lập nước mà giờ đây nó là công việc “góp phần vào bình đẳng xã hội”, đó là giúp cho nhóm người có cuộc sống khó khăn, công việc mưu sinh bấp bênh, không ổn định,... Xoá mù chữ và chống tái mù cho nhóm người này

chính là góp phần giúp họ có cơ hội thoát nghèo, hoà nhập chung vào đời sống xã hội chung của Việt Nam.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ TRÍCH DẪN

I. Các tài liệu tham khảo và trích dẫn trong bài viết này được lấy từ "Các văn bản của Đảng và Nhà nước & Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các nhà lãnh đạo Việt Nam về ngôn ngữ" (*Tập tư liệu của Đề tài "Chính sách của Đảng và Nhà nước Việt nam về ngôn ngữ qua các thời kì", đã nghiệm thu chính thức tháng 12, 2010*):

1. Đảng Cộng sản Đông Dương kêu gọi quần chúng Đông Dương đấu tranh, *Văn kiện Đảng Toàn tập (VKĐTT), Tập 1*.

2. Nghị quyết của Hội nghị Trung ương ngày 6, 7, 8, 9/11/1940, *VKĐTT, Tập 7*.

3. Chương trình hành động của Đảng cộng sản Đông Dương, *VKĐTT, Tập 4*.

4. *Nguyễn Ái Quốc*, Đường cách mệnh, *Hồ Chí Minh toàn tập (tập 1)*.

5. Nghị quyết của toàn thể Hội nghị của Ban Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương 20, 30 tháng 3 năm 1938; Nghị quyết của Ban Trung ương Đảng ngày 6, 7, 8 tháng 11 năm 1939: Những khẩu hiệu tranh đấu, *VKĐTT, Tập 6*.

6. Báo cáo của phân hội Việt Nam thuộc hội quốc tế chống xâm lược, 1944, *VKĐTT, Tập 7*.

7. Tết trung thu với nền độc lập, 1945, *Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 4*.

8. Những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, *VKĐTT, Tập 8*.

9. Toàn dân kháng chiến, ngày 12.12.1946, *VKĐTT, Tập 8*.

10. Chi thị của Trung ương phát động phong trào thi đua ái quốc, ngày 27.3.1948, *VKĐTT, Tập 9*.

11. Thanh Hoá kiểu mẫu, 1947, *Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 5*.

12. Đời sống nông thôn ngày càng tiến bộ, 1962, *Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 10*.

13. Chi thị của Ban Bí thư số 72-CT/TW, ngày 7 tháng 3 năm 1958, về việc tăng cường lãnh đạo công tác bình dân học vụ để hoàn thành việc thanh toán nạn mù chữ vào cuối năm 1958, *VKĐTT, Tập 19*.

14. Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III; Báo cáo bổ sung tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III, *VKĐTT, Tập 20*.

15. Nghị quyết của Khu uỷ Việt Bắc số 50-NQ/KU, ngày 10 tháng 5 năm 1962, Về phương hướng và nhiệm vụ năm 1962, *VKĐTT, Tập 23*.

16. Thông tư số 14-TT ngày 12/04/1962 của Bộ Giáo dục về việc thi hành nghị định quy định dùng chữ Tày Nùng

17. Nghị quyết của Đại hội Đại biểu Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam lần thứ nhất, *VKĐTT, Tập 23*.

18. Chi thị 221 CT/TW về công tác giáo dục ở miền Nam, ngày 17/6/1975; Chi thị của Ban Bí thư Số 23-CT/TW, ngày 15/1977 về công tác dân tộc ít người ở các tỉnh miền Nam trong tình hình hiện nay, *VKĐTT, Tập 38*.

19. Việt Nam chống nạn thất học, *Nxb GD, H., 1980, tr.181*.

20. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương khoá VI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, *VKĐTT, Tập 51*.

21. Báo cáo của Bộ chính trị trình hội nghị lần thứ tư BCH TƯ Đảng khoá VII về công tác thanh niên, *VKĐTT, Tập 52*.

22. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần VII của Đảng: Thông qua "Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, ngày 27/6/1991.

23. Nghị quyết của Bộ chính trị Số 22-NQ/TW, ngày 27/11/1989 về một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội miền núi.

II. Một số tài liệu khác

24. Hội nghị tập huấn xoá mù chữ cho người dân tộc, *Trung tâm nghiên cứu giáo dục người lớn (RCAE), Viện Ngôn ngữ học mùa hè, 1993*.

25. Nguyễn Văn Mai, Vài nét về thực trạng xoá mù chữ ở vùng dân tộc thiểu số và những vấn đề cần giải quyết, *trong Hội nghị tập huấn xoá mù chữ cho người dân tộc, Trung tâm nghiên cứu giáo dục người lớn (RCAE), Viện Ngôn ngữ học mùa hè, 1993*.

26. Nguyễn Lai & Nguyễn Thị Hoài Sinh, Tiếng Việt và vấn đề xoá nạn mù chữ giai đoạn từ Hội truyền bá chữ quốc ngữ (1938) đến Nha bình dân học vụ (1945), *trong Đề tài cấp nhà nước "Chính sách của Nước CHXHCN Việt Nam trong lĩnh vực ngôn ngữ", 2000*.

27. Nguyễn Như Ý, Bình diện ngôn ngữ học xã hội của thanh toán mù chữ, *trong Tiếng Việt và các ngôn ngữ Đông Nam Á, Nxb KHXH, H., 1988*.

28. Như Ý, Suy nghĩ về việc dạy tiếng Việt trong chương trình thanh toán mù chữ cho đồng bào thiểu số lớn tuổi, *T/c Ngôn ngữ, Số 4, 1991*.